

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2025/DS-ST

Ngày: 06-5-2025

“V/v kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Anh Tài
- Ông Nguyễn Văn Hết

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 473/2024/TLST-DS, ngày 18/12/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐXX – ST, ngày 12/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Anh Q, sinh năm 1963. Địa chỉ cư trú: 483/15, đường L, phường A, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: 1927/5, khu phố A, đường V, phường A, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Văn M, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: 225Đ ấp B, xã B1, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1977. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: 16B1, khu phố C, phường P, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ông M có mặt. Ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của ông Lê Anh Q có nội dung:*

Ông Lê Anh Q yêu cầu ông Nguyễn Minh S có nghĩa vụ trả số tiền vay còn thiếu là:

- Tiền nợ gốc: 1.485.000.000 đồng.

- Tính lãi với mức lãi suất 1,2%/tháng, tạm tính từ ngày 01/10/2019 đến ngày nộp đơn khởi kiện 02/12/2024 là 1.104.840.000 đồng.

- Tính lãi với mức lãi suất 1,2%/tháng, tạm tính từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày Toà án giải quyết xong vụ án (khoảng 04 tháng) là 71.280.000 đồng.

Tổng cộng: 2.661.120.000 đồng.

Lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Anh Q là ông Lê Văn M có nội dung: Ông Lê Anh Q thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Đòi lại tài sản là số tiền nợ gốc còn thiếu: 1.485.000.000 đồng. Không còn yêu cầu nào khác.

Về lý do khởi kiện: Ông S có vay của ông Q số tiền 1.682.000.000 đồng, thời hạn vay là từ ngày 01/6/2018 đến hết tháng 12/2018, lãi suất vay theo thỏa thuận là 1,2%/tháng/số tiền vay. Ông S có ghi “Giấy mượn tiền”, ghi “TP HCM 1/06/2018”, do chính ông S viết và ký tên. Khi ghi “Giấy mượn tiền” nêu trên thì địa chỉ của ông S được ghi là trú tại thửa đất 560, phường A, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh – là nơi ông S làm việc và tạm trú. Nhưng hiện tại ông S cư trú tại ấp A, xã A1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đến ngày 01/01/2019, ông S có trả cho ông Q số tiền nợ gốc là 197.000.000 đồng, còn lại 1.485.000.000 đồng chưa trả nợ gốc cũng không trả lãi. Trước ngày 01/01/2019, ông S trả lãi đầy đủ.

** Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Tiến D trình bày trong quá trình tố tụng:*

Ông Nguyễn Minh S không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh Q. Lý do đối với “Giấy mượn tiền” ông S có viết ký tên nhưng ông Q chưa có giao tiền cho ông S cho nên trong giấy mượn tiền ông S không có ghi đã nhận đủ số tiền đó.

Đề nghị Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” vì theo quy định thời hiệu khởi kiện hợp đồng vay tài sản chỉ có 03 năm nhưng từ năm 2018 đến nay nguyên đơn mới khởi kiện.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị: Xác định quan hệ tranh chấp là "Kiện đòi tài sản". Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh Q, buộc ông Nguyễn Minh S trả cho ông Lê Anh Q số tiền 1.485.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của ông Lê Anh Q có nội dung là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là ông Nguyễn Minh S có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với quan hệ tranh chấp nêu trên vì cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình khởi kiện, ông Q cho rằng cho ông S vay từ ngày 01/6/2018 đến hết tháng 12/2018 là đến hạn trả. Sau đó, đến ngày 01/01/2019 ông S trả được 197.000.000 đồng nợ gốc, sau đó không trả nữa. Phía ông S thừa nhận có viết giấy mượn tiền nhưng không có nhận tiền từ ông Q. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền là ngày cuối cùng của tháng 12/2018. Nguyên đơn cho rằng ngày 01/01/2019 ông S trả được 197.000.000 đồng sau đó không trả nữa như vậy thời điểm ngày tiếp theo của ngày 01/01/2019 là ngày được xác định quyền và lợi ích hợp pháp của ông Q bị xâm phạm. Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì *"Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm"*. Căn cứ quy định nêu trên thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Q đã hết. Tuy nhiên, theo quy định khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp *"yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác"*. Do đó, ông Q có quyền khởi kiện ông S yêu cầu đòi lại tài sản (nợ gốc) và Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án mà không phụ thuộc vào việc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc hay không.

Phía nguyên đơn trình bày thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thành kiện đòi tài sản là số tiền vay gốc. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp kiện đòi tài sản"* mà cụ thể là ông Q đòi ông S trả lại số tiền gốc 1.485.000.000 đồng. Trong đó xác định ông Lê Anh Q là nguyên đơn (do ông Lê Văn M là người đại diện theo uỷ quyền); ông Nguyễn Minh S là bị đơn (do ông Nguyễn Tiến D là người đại diện theo uỷ quyền); vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày

Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với việc vắng mặt ông Nguyễn Tiến D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, vắng mặt không có đơn xin vắng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Về số tiền 1.485.000.000 đồng mà ông Lê Anh Q yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông S thừa nhận có viết và ký tên “Giấy mượn tiền” ghi ngày 01/6/2018. Tuy nhiên, ông S không thừa nhận có nhận số tiền 1.682.000.000 đồng ghi trong đó. Hội đồng xét xử xét thấy, “Giấy mượn tiền” do chính ông S viết và ký tên với nội dung thể hiện “Tôi tên: Nguyễn Minh S, CMND số: 321025143, cấp ngày 29/5/2015 – CA. Bến Tre. Hiện cư trú tại thửa đất 560 ấp A, quận 12. Tôi có mượn của anh Lê Anh Q SCMND: 020665221 với số tiền: 1.682.000.000 đ (Một tỉ sáu trăm tám mươi hai triệu đồng) trong lúc khó khăn với lãi suất: 1,2% với thời hạn cuối cùng thanh toán hết tháng 12/2018. Hàng tháng đến cuối tháng tôi thanh toán tiền lãi đầy đủ cho anh Q (vào ngày cuối cùng tháng). Tôi cam kết thực hiện đúng theo nội dung trên. Nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước anh Q và pháp luật”. Căn cứ nội giấy mượn tiền trên xác định chính ông S viết và ký tên thừa nhận có vay của ông Q số tiền 1.682.000.000 đồng, có thoả thuận trả lãi, thời gian trả vốn và cam kết trách nhiệm nếu không thực hiện đúng cam kết. Đây là giấy thừa nhận nợ của ông S chứ không phải là thoả thuận để bắt đầu giao kết hợp đồng sau đó mới thực hiện hợp đồng. Mặt khác, kể từ sau ngày ông S viết giấy mượn tiền, trường hợp ông Q không giao tiền nhưng ông S không thắc mắc, không có ý kiến về giấy mượn tiền hay số tiền chưa được nhận hoặc nhờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong khi số tiền ông S vay của ông Q là rất lớn, điều này hoàn toàn không hợp lý. Do ông S thừa nhận có viết và ký tên vào giấy mượn tiền nên chứng cứ này do ông Q cung cấp được chấp nhận theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghĩa vụ chứng minh việc viết giấy nhưng không có nhận tiền thuộc về ông S, tuy nhiên ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên lời nại này của ông S là không có căn cứ để chấp nhận.

Quá trình yêu cầu ông Q cho rằng ông S đã trả được số tiền 197.000.000 đồng, còn nợ 1.485.000.000 đồng. Thấy rằng mặc dù ông S không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trả số tiền này nhưng ông Q thừa nhận nên được chấp nhận. Về phía ông S đã đề nghị hoãn phiên toà 02 lần để cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng không thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền ông S còn nợ ông Q là 1.485.000.000 đồng, buộc ông S trả cho ông Q là đúng quy định tại Điều 155 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí theo quy định: Ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, Điều 92, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 155, Điều 166, Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh Q.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Nguyễn Minh S có nghĩa vụ trả cho ông Lê Anh Q tổng số tiền là: 1.485.000.000 đồng (Một tỉ bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 55.450.000 đồng (Năm mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), ông Nguyễn Minh S chịu.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mô Cày Nam;
- THA huyện Mô Cày Nam;
- Dương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng

